

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ SÁNG TẠO TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ỨNG DỤNG CỦA GIẢNG VIÊN, SINH VIÊN KHOA VĂN HOÁ VÀ DU LỊCH TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Nguyễn Tá Nam, Vũ Thị Anh Thơ
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Thông qua phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với phương pháp nghiên cứu định lượng, nhóm tác giả đã xác định các yếu tố ảnh hưởng và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đó đến việc nghiên cứu khoa học ứng dụng của giảng viên và sinh viên khoa Văn hoá và Du lịch Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu các yếu tố tác động đến hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả nghiên cứu tại khoa Văn hoá và Du lịch Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Nghiên cứu cũng đã đề xuất 3 giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học tại đơn vị đó là: Hoàn thiện cơ chế quản lý và đánh giá nghiên cứu khoa học; Tăng cường đầu tư nguồn lực cho nghiên cứu khoa học; Nâng cao năng lực và động lực cho đội ngũ nghiên cứu. Nghiên cứu được tiến hành thông qua bản khảo sát trực tuyến và thu về được 221 bảng, sau đó nhóm tác giả dùng phần mềm Stata để tiến hành phân tích. Kết quả cho thấy, cả 4 giả thuyết nghiên cứu đều được chấp nhận, và trong số đó yếu tố động lực làm việc là có tác động ảnh hưởng lớn nhất.

Từ khóa: Các yếu tố, sự sáng tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng, Đại học Thủ đô.

Nhận bài ngày 20.8.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 25.10.2024
Liên hệ tác giả: Nguyễn Tá Nam; email: ntnam@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu cấp thiết của thực tiễn. Ở một quốc gia đang phát triển như Việt Nam, việc tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mới có tính ứng dụng cao là hết sức quan trọng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Trong bối cảnh đó, tăng cường sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên Khoa Văn hoá Du lịch, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội là một vấn đề cấp thiết cần được quan tâm và nghiên cứu kỹ lưỡng.

Khoa Văn hoá Du lịch, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội là một trong những đơn vị đào tạo nguồn nhân lực chủ chốt cho ngành công nghiệp văn hóa và du lịch ở khu vực phía Bắc. Các hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng tại khoa không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, mà còn tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mới, đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành. Tuy nhiên, trong thời gian qua, vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế ảnh hưởng đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên tại đơn vị này. Việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự sáng tạo là rất cần thiết, nhằm đề xuất

các giải pháp hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu và ứng dụng của đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như chuyên môn, kỹ năng tư duy sáng tạo, động lực làm việc và sự hợp tác liên ngành. Các nghiên cứu trước đây cũng đã xác định được vai trò quan trọng của những yếu tố này đối với việc thúc đẩy sự sáng tạo trong nghiên cứu ứng dụng tại các tổ chức, cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, còn ít nghiên cứu được thực hiện ở bối cảnh của Khoa Văn hóa Du lịch, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội - nơi đang đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực cho ngành du lịch Việt Nam. Vì vậy, việc nghiên cứu sâu hơn về mối quan hệ giữa các yếu tố này và sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng tại đơn vị này là rất cần thiết.

Nhiều nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau. Theo Amabile (1983), ba yếu tố chính ảnh hưởng đến sự sáng tạo là Trình độ chuyên môn (Expertise), kỹ năng tư duy sáng tạo (Creative thinking skills), động lực làm việc (Task Motivation). Trong khi đó, Mumford (2000) nhấn mạnh tầm quan trọng của các kỹ năng tư duy sáng tạo như nhận dạng vấn đề, tạo ý tưởng mới và đánh giá ý tưởng. Một nghiên cứu khác của Zhou và George (2001) cũng chỉ ra rằng sự hợp tác liên ngành là yếu tố then chốt thúc đẩy sự sáng tạo trong nghiên cứu ứng dụng.

Trong bối cảnh cụ thể của Khoa Văn hóa Du lịch, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, vẫn còn ít nghiên cứu được thực hiện về các yếu tố ảnh hưởng đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Một nghiên cứu gần đây của Nguyễn Thị Hải Yến (2022) đã khảo sát về những khó khăn và thách thức đối với hoạt động nghiên cứu khoa học tại đơn vị này, trong đó có nhắc đến một số yếu tố như điều kiện cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính và sự hỗ trợ từ lãnh đạo. Tuy nhiên, nghiên cứu này vẫn chưa đi sâu phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố này với sự sáng tạo trong nghiên cứu ứng dụng.

Như vậy, việc nghiên cứu một cách toàn diện các yếu tố ảnh hưởng đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên Khoa Văn hóa Du lịch, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội là cần thiết, nhằm đề xuất các giải pháp hiệu quả để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu sáng tạo tại đơn vị này.

2. NỘI DUNG

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Sự sáng tạo

Sự sáng tạo là một khái niệm đa chiều và phức tạp, được định nghĩa và nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Theo Amabile (1983), sự sáng tạo là "sự ra đời của ý tưởng, sản phẩm, dịch vụ hoặc quy trình mới và hữu ích trong bối cảnh một cá nhân hoặc nhóm". Sự sáng tạo bao gồm cả việc tạo ra những ý tưởng mới và độc đáo, cũng như việc thực hiện và áp dụng thành công các ý tưởng đó vào thực tiễn (Mumford, 2000). Ở cấp độ cá nhân, sự sáng tạo được xem là khả năng của một cá nhân để tạo ra những ý tưởng, giải pháp hoặc sản phẩm mới, có giá trị và phù hợp với bối cảnh (Sternberg, 2005). Sự sáng tạo cá nhân được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố như kiến thức chuyên môn, kỹ năng tư duy sáng tạo, động lực và nhân cách sáng tạo (Amabile, 1983; Csikszentmihalyi, 1996). Ở cấp độ nhóm và tổ chức, sự sáng tạo được xem là khả năng của nhóm hoặc tổ chức để tạo ra những ý tưởng, sản phẩm hoặc quy trình mới, có giá trị và phù hợp với mục tiêu của tổ chức (West & Farr, 1990). Sự sáng tạo tập thể phụ thuộc vào các yếu tố như đặc điểm của nhóm, động lực, nguồn lực và môi trường tổ chức (Zhou & Shalley, 2003).

Như vậy, sự sáng tạo là một quá trình phức tạp, đòi hỏi sự kết hợp của nhiều yếu tố cá nhân, nhóm và tổ chức. Việc hiểu rõ các khái niệm và định nghĩa về sự sáng tạo là cơ sở quan trọng để nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự sáng tạo trong nghiên cứu ứng dụng.

2.1.2. Nghiên cứu khoa học ứng dụng

Nghiên cứu khoa học ứng dụng là một phương pháp nghiên cứu nhằm tạo ra kiến thức mới và ứng dụng trực tiếp vào thực tiễn (Kotler & Keller, 2016). Khác với nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng tập trung vào việc giải quyết các vấn đề cụ thể, hiện hữu trong thực tế, với mục đích cuối cùng là đem lại lợi ích thiết thực cho các bên liên quan (Creswell, 2014).

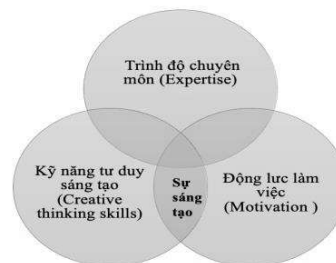
Theo Patton (2015), nghiên cứu ứng dụng được đặc trưng bởi hai đặc điểm chính: Định hướng vào giải quyết vấn đề: Nghiên cứu ứng dụng nhằm tìm ra các giải pháp thiết thực và có thể triển khai được để đáp ứng các nhu cầu thực tế của các đối tượng nghiên cứu; Sử dụng các phương pháp nghiên cứu đa dạng: Nghiên cứu ứng dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, định hướng vào việc phát triển các can thiệp, chương trình, sản phẩm hoặc dịch vụ mới.

Nghiên cứu ứng dụng thường được thực hiện trong các lĩnh vực như y tế, công nghệ, nông nghiệp, giáo dục, kinh doanh, v.v. Các nghiên cứu này cung cấp các bằng chứng khoa học để hỗ trợ ra quyết định và đưa ra các can thiệp hiệu quả nhằm cải thiện thực tiễn (Creswell & Creswell, 2018).

Tóm lại, nghiên cứu ứng dụng là một phương pháp nghiên cứu nhằm tạo ra kiến thức mới có thể áp dụng trực tiếp vào thực tiễn, giải quyết các vấn đề cụ thể và đem lại lợi ích thiết thực cho các bên liên quan.

2.2. Khung lý thuyết và phát triển giả thuyết nghiên cứu

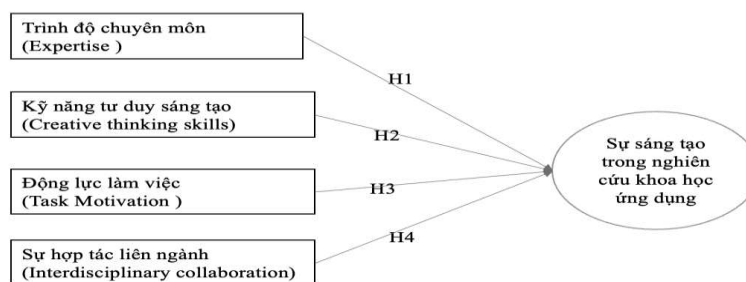
Để nghiên cứu về Các yếu tố ảnh hưởng đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng của giảng viên, sinh viên khoa Văn hoá và Du lịch trường đại học Thủ đô Hà nội, nghiên cứu này sẽ dựa trên khung lý thuyết của Amabile, 1983 về sự sáng tạo.



Hình 1: Lý thuyết ba thành phần sáng tạo của Amabile

Ba thành phần sáng tạo của Amabile là một lý thuyết, được phát triển bởi tác giả vào năm 1983 Lý thuyết này cũng đã được nhiều các nhà khoa học áp dụng vào trong nghiên cứu. Việc sử dụng lý thuyết này làm khung lý thuyết cho bài nghiên cứu này sẽ giúp giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng của giảng viên, sinh viên Khoa Văn hoá và Du lịch, Trường Đại học Thủ đô Hà nội.

Ngoài ra, theo Jüri Allik, 2012, sự hợp tác liên ngành và kiến thức chuyên môn là rất cần thiết trong nghiên cứu chiều sáng ứng dụng, làm nổi bật tính chất liên ngành của các nỗ lực nghiên cứu chất lượng, vì vậy nhóm tác. giả đã xem xét và thêm yếu tố Sự hợp tác liên ngành vào mô hình nghiên cứu để tiến hành nghiên cứu.



Hình 2: Mô hình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng

Dựa trên khung lý thuyết trên, nghiên cứu này sẽ kiểm tra các giả thuyết sau:

- H1. Trình độ chuyên môn có ảnh hưởng cùng chiều đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng;
 H2. Kỹ năng tư duy sáng tạo có ảnh hưởng cùng chiều đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng;
 H3. Động lực làm việc có ảnh hưởng cùng chiều đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng;
 H4. Sự hợp tác liên ngành có ảnh hưởng cùng chiều đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng;

Việc kiểm tra các giả thuyết này sẽ xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng của cán bộ giảng viên, sinh viên Khoa Văn hóa Du lịch, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng. Từ đó nhóm tác giả sẽ đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng tại Khoa Văn hóa Du lịch, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sẽ sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để đạt được mục tiêu nghiên cứu.

Nghiên cứu định tính: Thu thập và phân tích tài liệu thứ cấp: Rà soát các nghiên cứu, tài liệu liên quan đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng, các yếu tố ảnh hưởng. Từ phân tích định tính, nghiên cứu sẽ xây dựng mô hình nghiên cứu và các giả thuyết phù hợp.

Nghiên cứu định lượng: Nhóm tác giả xây dựng bảng câu hỏi khảo sát dựa trên mô hình nghiên cứu và giả thuyết, tiến hành khảo sát với mẫu là cán bộ, giảng viên và sinh viên Khoa Văn hóa Du lịch. Ngoài ra nhóm tác giả còn sử dụng phần mềm Stata 14 để phân tích dữ liệu khảo sát, bao gồm: Thống kê mô tả: Tần suất, trung bình, độ lệch chuẩn; Phân tích hồi quy đa biến: Xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự sáng tạo; Kiểm định giả thuyết: Đánh giá mức độ ý nghĩa thống kê của các mối quan hệ.

Xác định cỡ mẫu nghiên cứu: Nhóm tác giả lựa chọn cách xác định số mẫu theo phân tích nhân tố khám phá (EFA). Theo Hair và cộng sự (2014), kích thước mẫu tối thiểu để sử dụng EFA là 50, tốt hơn là từ 100 trở lên. Tỷ lệ mẫu quan sát trên một biến phân tích là 5:1 hoặc 10:1, một số nhà nghiên cứu cho rằng tỷ lệ này nên là 20:1; “biến phân tích” là một câu hỏi đo lường trong bảng khảo sát, bảng khảo sát của nhóm tác giả bao gồm 18 biến. Nếu tỷ lệ 10:1 thì cỡ mẫu tối thiểu là $21 \times 10 = 210$. Kích thước mẫu này lớn hơn kích thước tối thiểu 50 hoặc 100, vì vậy nhóm tác giả lựa chọn tỷ lệ 10:1 có nghĩa là cần cỡ mẫu tối thiểu là 180 để thực hiện phân tích.

hiệu 50 hoặc 100, vì vậy nhóm tác giả lựa chọn tỷ lệ 10:1 có nghĩa là cần cỡ mẫu tối thiểu là 180 để thực hiện phân tích.

2.4. Kết quả của nghiên cứu

2.4.1. Thông tin mẫu nghiên cứu và thống kê mô tả

Bảng 1: Tổng hợp đặc điểm mẫu khảo sát

Đặc điểm của mẫu (cỡ mẫu n= 212)		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	37	17,5
	Nữ	175	82,5
	Tổng cộng	212	100
Tuổi	18-25	195	92
	26-35	2	1,0
	36-45	14	6,6
	từ 46 tuổi trở lên	1	0,4
	Tổng cộng	212	100
Đối tượng	Sinh viên	195	92
	Giảng viên	17	8,0
	Tổng cộng	212	100
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ	3	1,4
	NCS Tiến sĩ	3	1,4
	Thạc sĩ	11	5,2
	Sinh viên Đại học	195	92
	Tổng cộng	212	100

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

Bảng câu hỏi được thiết kế trên Google Form và tiến hành điều tra online đối với đối tượng là Giảng viên và sinh viên Khoa Văn hoá và Du lịch, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Sau khi bảng câu hỏi được phát đi thì nhóm tác giả thu về được 212 bảng đạt yêu cầu, nhiều hơn so với cỡ mẫu tính ban đầu (180 bảng). Đặc điểm của mẫu khảo sát được thống kê như bảng 1 ở trên.

2.4.2. Phân tích độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha

Bảng 2: Kết quả Cronbach's Alpha các thang đo

STT	Ký hiệu	Thang đo	Số biến	Hệ số Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến-tổng nhỏ nhất
1	TC	Trình độ chuyên môn	4	0,881	0,561
2	KTS	Kỹ năng tư duy sáng tạo	5	0,930	0,785
3	ĐL	Động lực làm việc	4	0,905	0,693
4	HL	Sự hợp tác liên ngành	4	0,827	0,550
5	SST	Sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng	4	0,900	0,682

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

Kết quả đánh giá các thang đo bằng Cronbach's Alpha (bảng 2) cho thấy các thang đo đều đạt độ tin cậy Cronbach's Alpha > 0,6 và hệ số tương quan biến - tổng > 0,3, tất cả các biến quan sát của các thang đo đều thỏa mãn điều kiện để phân tích EFA.

Hệ số sig < 5%, điều đó chứng tỏ mối tương quan giữa các biến TC; KTS; ĐL; HL với biến phụ thuộc SST có ý nghĩa thống kê cùng chiều, đều đó có nghĩa là khi các biến TC; KTS; ĐL; HL tăng thì biến SST cũng tăng.

2.4.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA

17 biến quan sát được đưa vào phân tích EFA, rút trích vào 04 yếu tố tại Eigenvalue = 1,516 và phương sai trích đạt 75,1% (>50%), đồng thời, tất cả biến quan sát được rút trích vào các nhân tố đều có trọng số tải nhân tố (factor loading) đạt tiêu chuẩn $\geq 0,5$ và chênh lệch trọng số tải nhân tố > 0,3 (Bảng 3). Chỉ số KMO của các biến độc lập là 0,751 > 0,5, thỏa mãn điều kiện và các nhân tố khám phá EFA là đáng tin cậy và được sắp xếp thành 4 nhóm nhân tố như ở (Bảng 3).

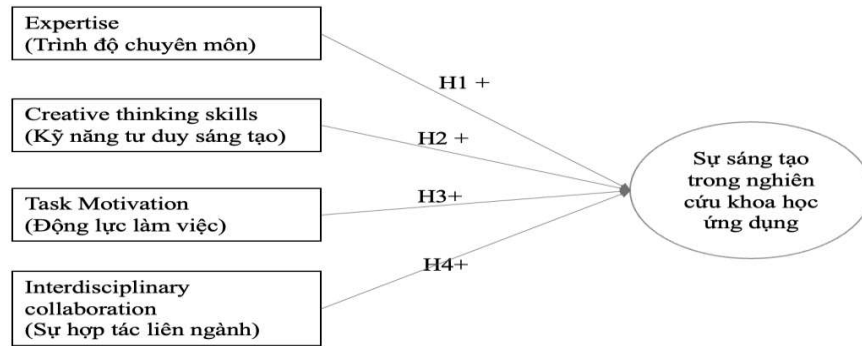
Bảng 3: Ma trận phân tích nhân tố với phép xoay Varimax

Variable	Factor1	Factor2	Factor3	Factor4	Uniqueness
TC1			0.7147		0.4825
TC2			0.9463		0.1040
TC3			0.9333		0.1235
TC4			0.8462		0.2723
KTS1	0.8897				0.2001
KTS2	0.8859				0.2039
KTS3	0.8779				0.2277
KTS4	0.8656				0.2469
KTS5	0.8944				0.1949
ĐL1		0.9124			0.1029
ĐL2		0.8968			0.1610
ĐL3		0.7830			0.3268
ĐL4		0.8339			0.2576
HL1				0.6537	0.4890
HL2				0.7394	0.3564
HL3				0.8696	0.1514
HL4				0.8522	0.1835

(Blanks represent abs(loading) < 0.5)

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

Như vậy, với kết quả EFA, mô hình nghiên cứu lý thuyết và các giả thuyết được hiệu chỉnh như trong hình 3.



Hình 3: Mô hình nghiên cứu về các yếu tố các yếu tố ảnh hưởng đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng sau khi kiểm định EFA

Điều đó có nghĩa là các giải thuyết mà nhóm tác giả đưa ra đều được chấp nhận (Bảng 4)

Bảng 4: kiểm định giải thuyết của mô hình nghiên cứu

Giải thuyết		Kết quả kiểm định
Giải thuyết H1	Trình độ chuyên môn có ảnh hưởng cùng chiều đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng	Chấp nhận
Giải thuyết H2	Kỹ năng tư duy sáng tạo có ảnh hưởng cùng chiều đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng	Chấp nhận
Giải thuyết H3	Động lực làm việc có ảnh hưởng cùng chiều đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng	Chấp nhận
Giải thuyết H4	Sự hợp tác liên ngành có ảnh hưởng cùng chiều đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng	Chấp nhận

2.4.4. Kiểm tra Ma trận tương quan Pearson

Kết quả kiểm tra hệ tương quan Pearson trong bảng 5, các biến độc lập có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Đồng thời, hệ số tương quan các biến độc lập và biến phụ thuộc đều không quá cao nên ít có khả năng xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Điều này chứng tỏ các biến độc lập đạt giá trị phân biệt có nhiều khả năng giải thích cho biến phụ thuộc (Bảng 5). Ngoài ra từ bảng phân tích hệ số tương quan Pearson ở bảng 5 cho thấy, yếu tố Động lực làm việc (ĐL) có ảnh hưởng lớn nhất đến sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng tại khoa Văn Hoá và Du lịch trường Đại học Thủ đô, Hà Nội.

Bảng 5: Kết quả phân tích hệ số tương quan Pearson

	SSTrưngbinh	TCTrưngbinh	KTStrưngbinh	ĐLtrưngbinh	HLtrưngbinh
SSTrưngbinh	1.0000				
TCTrưngbinh	0.0333	1.0000			
	0.6296				
KTStrưngbinh	0.0726	-0.0176	1.0000		
	0.2929	0.7986			

ĐLtrungbinh	0.9842	0.0217	0.0715	1.0000	
	0.0000	0.7531	0.3002		
HLtrungbinh	0.4768	0.0059	0.0987	0.4908	1.0000
	0.0000	0.9317	0.1520	0.0000	

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

2.5. Kiểm định mô hình hồi quy

Kết quả tóm tắt 6 mô hình hồi quy được thể hiện trên bảng 6 cho thấy, mô hình thứ năm gồm các biến độc lập là: Trình độ chuyên môn (TC), Kỹ năng tư duy sáng tạo (KTS), động lực làm việc (ĐL), tự chủ trong công việc (TCCV) và sự hợp tác liên ngành (HL) có độ phù hợp cao với R2 hiệu chỉnh cao nhất (= 0,968) đảm bảo độ dao động từ 0,5 đến 1 (bảng 6) có nghĩa là đảm bảo độ tin cậy cao.

Bảng 6: Mô hình hồi quy tuyến tính OLS

Source	SS	df	MS		
Model	157.894637	4	39.4736594	Number of obs = 212	
				F(4, 207) = 1607.63	
Residual	5.08266211	207	0.024553923	Prob > F = 0.0000	
				R-squared = 0.9688	
Total	162.9773	211	0.772404263	Adj R-squared = 0.9682	
				Root MSE = 0.1567	
SSTrưngbinh	Coef.	Std. Err.	t	P> t	Beta
TCtrưngbinh	.0167801	.017251	0.97	0.332	.0119443
KTtrưngbinh	.0040805	.0167605	0.24	0.808	.0030046
ĐLtrưngbinh	.9679547	.0138122	70.08	0.000	.9878416
HLtrưngbinh	-.0094208	.0157938	-0.60	0.552	-.0084257
_cons	.0900381	.1117512	0.81	0.421	.

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

Phương trình hồi quy trên mẫu nghiên cứu:

$$Y = B_0 + B_1X_1 + B_2X_2 + B_3X_3 + B_4X_4 + \varepsilon$$

Trong đó:

- Y : biến phụ thuộc :Sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng(STT)
- X, X_1, X_2, X_n : biến độc lập tương ứng (Trình độ chuyên môn (TC), Kỹ năng tư duy sáng tạo (KTS), động lực làm việc (ĐL), và sự hợp tác liên ngành (HL))
- B_0 : hằng số hồi quy
- B_1, B_2, B_n : hệ số hồi quy
- ε : phần dư

Như vậy, dựa vào bảng 4 ở trên chúng ta sẽ có Ta có phương trình hồi quy tuyến tính như sau: STT= 0,090 + 0,016*TC +0,004*KTS+0,967*ĐL- 0,009*HL

Kết quả phân tích hồi quy (bảng 7) cho thấy hệ số Durbin-Watson = 2,018 (xấp xỉ =2), vì thế cho phép kết luận không có tương quan giữa các phần dư. Kết quả hồi quy cho thấy độ phóng đại phương sai (VIF) đều nhỏ hơn 2, vì thế, cho phép khẳng định không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến, vì thế kết luận giả định liên hệ tuyến tính không vi phạm.

Bảng 7: Kiểm định đa cộng tuyến và kiểm định sự tương quan

Variable	VIF	1/VIF
HLtrungbinh	1.32	0.755054
ĐLtrungbinh	1.32	0.758232
KTtrungbinh	1.01	0.989202
TCtrungbinh	1.00	0.999141
Mean VIF: 1.16		
Durbin-Watson d-statistic (5, 212) = 2.018926		

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

2.6. Một số giải pháp đề xuất

Với mục tiêu thúc đẩy sự sáng tạo trong nghiên cứu khoa học ứng dụng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học tại Khoa Văn hóa và Du lịch, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, tôi xin đề xuất các chính sách và giải pháp sau:

1) Hoàn thiện cơ chế quản lý và đánh giá nghiên cứu khoa học:

Xây dựng chính sách và tiêu chí đánh giá nghiên cứu khoa học rõ ràng, minh bạch, khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới: Xác định rõ các tiêu chí đánh giá như tính mới, sáng tạo, tính ứng dụng, tác động thực tiễn của kết quả nghiên cứu; Áp dụng phương pháp đánh giá đa chiều, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan như nhà quản lý, người sử dụng kết quả nghiên cứu; Tăng trọng số của các tiêu chí liên quan đến sáng tạo và ứng dụng trong tổng thể tiêu chí đánh giá.

Tăng cường vai trò của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trong việc thẩm định, phê duyệt và theo dõi các đề tài nghiên cứu: Hội đồng cần có đủ năng lực, tính độc lập và được giao quyền quyết định trong việc phê duyệt các đề tài nghiên cứu; Hội đồng thực hiện giám sát, đánh giá định kỳ tiến độ và kết quả triển khai các đề tài nghiên cứu; Hội đồng có cơ chế phản hồi, tư vấn và đề xuất các biện pháp cải thiện chất lượng nghiên cứu khoa học.

Áp dụng cơ chế đánh giá nghiên cứu định kỳ, công bằng, gắn kết với kết quả triển khai ứng dụng trong thực tiễn: Tổ chức đánh giá nghiên cứu định kỳ hàng năm hoặc 2 năm một lần; Tiêu chí đánh giá không chỉ dựa trên các sản phẩm nghiên cứu như bài báo, sách, mà còn quan tâm đến tính ứng dụng, tác động thực tiễn của nghiên cứu; Kết quả đánh giá phải được công khai minh bạch và có cơ chế phản hồi rõ ràng.

2) Tăng cường đầu tư nguồn lực cho nghiên cứu khoa học:

Bố trí ngân sách đầu tư cho nghiên cứu khoa học đầy đủ, ổn định và tăng dần hàng năm: Xác định tỷ lệ ngân sách cho nghiên cứu khoa học so với tổng ngân sách hoạt động của Khoa, đảm bảo mức tối thiểu 5-10%; Ưu tiên ngân sách cho các đề tài, dự án nghiên cứu mang tính sáng tạo, ứng dụng cao.

Xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho nghiên cứu khoa học: Đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng làm việc để nghiên cứu, xây dựng góc thư viện của khoa, xây dựng dữ liệu số hoá thư viện của khoa; Mua sắm, cập nhật các trang thiết bị, phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động nghiên cứu; Xây dựng các không gian làm việc, sáng tạo, hợp tác cho nhóm nghiên cứu.

Hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động trao đổi, hợp tác nghiên cứu quốc tế: Cấp kinh phí cho việc tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế. Hỗ trợ chi phí cho các chương trình trao đổi, hợp tác nghiên cứu với các tổ chức, đối tác nước ngoài. Khuyến khích các nhà khoa học tham gia vào các dự án nghiên cứu quốc tế.

3) Nâng cao năng lực và động lực cho đội ngũ nghiên cứu:

Tổ chức các chương trình bồi dưỡng, đào tạo nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên và sinh viên: Xây dựng các khóa đào tạo về phương pháp nghiên cứu khoa học, viết đề cương, báo cáo nghiên cứu; Tổ chức các hội thảo, tọa đàm về các xu hướng, phương pháp nghiên cứu mới trong lĩnh vực Văn hóa và Du lịch. Khuyến khích giảng viên và sinh viên tham gia các khóa học, chương trình đào tạo về kỹ năng nghiên cứu.

Xây dựng chính sách thu hút, đãi ngộ và giữ chân các nhà khoa học giỏi: Xây dựng cơ chế tuyên dương khen thưởng cho các giảng viên có năng lực nghiên cứu xuất sắc; Có chính sách đãi ngộ, lương thưởng, phụ cấp hấp dẫn đối với các nhà khoa học giỏi; Tạo điều kiện cho giảng viên được tham gia các hoạt động nghiên cứu, hợp tác quốc tế.

Có chính sách khen thưởng, động viên kịp thời đối với các cá nhân, nhóm có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học: Xây dựng các hình thức khen thưởng như giải thưởng nghiên cứu xuất sắc, hỗ trợ kinh phí tham dự.

3. KẾT LUẬN

Trong bài nghiên cứu nhóm tác giả đã kết hợp cả phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để đạt được mục tiêu nghiên cứu. Việc áp dụng phương pháp nghiên cứu pha trộn này đã giúp nhóm nghiên cứu có thể xác định một cách toàn diện và chính xác hơn các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng của giảng viên và sinh viên Khoa Văn hoá và Du lịch, Trường Đại học Thủ đô tại Hà Nội. Qua đó, nhóm nghiên cứu cũng đã định lượng được mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố, và điều này có vai trò quan trọng trong việc đề ra các giải pháp hiệu quả.

Về các giải pháp được đề xuất, nghiên cứu đã đưa ra 3 giải pháp then chốt bao gồm: hoàn thiện cơ chế quản lý và đánh giá nghiên cứu khoa học; tăng cường đầu tư nguồn lực cho nghiên cứu khoa học; và nâng cao năng lực và động lực cho đội ngũ nghiên cứu. Những giải pháp này không chỉ mang tính khả thi cao mà còn hướng tới Quan trọng hơn, việc phân tích dữ liệu từ 221 bảng khảo sát bằng phần mềm Stata đã cho thấy cả 4 giả thuyết nghiên cứu được chấp nhận, trong đó yếu tố "Động lực làm việc" được xác định là yếu tố có tác động ảnh hưởng lớn nhất. Điều này cho thấy, để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng, cần đặc biệt chú trọng đến vấn đề tạo động lực và nâng cao tinh thần làm việc cho đội ngũ nghiên cứu. Các biện pháp như cải thiện cơ chế đãi ngộ, tạo điều kiện để phát huy năng lực sáng tạo, và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hỗ trợ sẽ đóng vai trò quyết định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Amabile T. M. (1983), The social psychology of creativity: A componential conceptualization, *Journal of Personality and Social Psychology*, 45(2), 357-376.
2. Mumford M. D. (2000), Managing creative people: Strategies and tactics for innovation, *Human Resource Management Review*, 10(3), 313-351.
3. Nguyễn Thị Hải Yến (2022), Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học tại Khoa Văn hóa Du lịch, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 8(2), 87-92.
4. Zhou J., George, J. M. (2001), When job dissatisfaction leads to creativity: Encouraging the expression of voice, *Academy of Management Journal*, 44(4), 682-696.
5. Csikszentmihalyi, M. (1996), *Creativity: Flow and the psychology of discovery and invention*, HarperCollins Publishers.

6. Mumford, M. D. (2000), *Managing creative people: Strategies and tactics for innovation*, *Human Resource Management Review*, 10(3), 313-351.
7. Sternberg, R. J. (2005), *Handbook of creativity*, Cambridge University Press.
8. West M. A, Farr, J. L. (1990), *Innovation and creativity at work: Psychological and organizational strategies*, John Wiley & Sons.
9. Zhou, J, Shalley, C. E. (2003), *Research on employee creativity: A critical review and directions for future research*, *Research in personnel and human resources management*, 22, 165-217.
10. Creswell J. W. (2014), *Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches (4th ed.)*, Sage Publications.
11. Creswell J. W, Creswell J. D. (2018), *Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches (5th ed.)*, Sage Publications.
12. Kotler P, Keller, K. L. (2016), *Marketing Management (15th ed.)*, Pearson.
13. Patton M. Q. (2015), *Qualitative research & evaluation methods: Integrating theory and practice (4th ed.)*, Sage Publications.
14. Allik J. (2013), *Factors affecting bibliometric indicators of scientific quality*, *Trames*, 17(3), 199-214.

**FACTORS INFLUENCING CREATIVITY IN APPLIED SCIENTIFIC
RESEARCH OF LECTURERS AND STUDENTS OF FACULTY OF
CULTURE AND TOURISM AT HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY**

Abstract: *This study employed a mixed-methods approach, combining qualitative and quantitative research techniques, to investigate the factors influencing creativity in applied scientific research among lecturers and students at the Faculty of Culture and Tourism, Hanoi Metropolitan University. This research aims to explore the factors affecting applied scientific research activities and to suggest solutions to enhance research effectiveness at the faculty. Based on the findings, the study proposes three strategic recommendations to enhance creativity in applied research at the faculty: 1) Refining the management and evaluation mechanisms for scientific research, 2) Increasing investment in research resources, and 3) Strengthening the capacity and motivation of the research team. The research was conducted through an online survey, which collected 221 valid responses. The survey data was then analyzed using Stata software. The results indicated that all four of the study's hypotheses were supported, with the factor of "Task Motivation" emerging as the strongest predictor of research creativity among the participants. This multifaceted investigation provides valuable insights to inform policy and practice aimed at cultivating a more innovative research culture within the Faculty of Culture and Tourism at Hanoi Metropolitan University.*

Keywords: *Creativity, applied research, Hanoi Metropolitan University.*